TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số:09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07/3/2022
V/v " Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lệ Hoa

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: *Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc *" Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Chị Văn Thị Cẩm X, sinh năm: 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân A, xã Tân B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2/. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà ....., ấp Tân A, xã Tân B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2021 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa chị Văn Thị Cẩm X trình bày:

Chị Văn Thị Cẩm X và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào ngày 09/7/2011, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ngày 29/10/2012, số 89/2012, quyển số

01/2012. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2016, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn về tiền bạc và mâu thuẫn trong nội bộ gia đình bên chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng và không thể hòa giải.

Nay, chị X xét thấy tình cảm chung của vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng đã ly thân hơn 3 năm nay.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tâm X, sinh ngày 16/7/2012 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 13/8/2016 hiện nay các con đang ở với chị X.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị X yêu cầu được nuôi con tên Nguyễn Thị Tâm X, sinh ngày 16/7/2012 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 13/8/2016 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 10 tháng 12 năm 2021 anh Nguyễn Văn H trình bày;

Qua lời trình bày của cô X về năm chung sống, vợ chồng có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, quá trình chung sống vợ chồng không tạo dựng được tài sản chung, không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn anh H cho rằng: Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh lo đi làm ăn lo cho gia đình. Đôi lúc cũng có lớn tiếng qua lại ngoài ra không có mâu thuẫn gì lớn.

Tại Tòa án anh H có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị X, anh còn yêu thương vợ con, anh muốn chị X suy nghĩ lại cùng anh chăm lo cho gia đình và cùng nhau nuôi dạy con chung.

Trong trường hợp chị X kiên quyết ly hôn thì anh chỉ đồng ý ly thân để cho chị X suy nghĩ lại.

Đối với con chung anh H yêu cầu nuôi con hai đứa con không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ không có không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 10/12/2021 của cháu Nguyễn Thị Tâm X, sinh ngày 16/7/2012 thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ chị Văn Thị Cẩm X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dụng: Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Văn Thị Cẩm X.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị Cẩm X ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

3. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Tâm X, sinh ngày 16/7/2012 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 13/8/2016 cho chị X trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con.

4.Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn H đang cư trú tại sss, ấp Tân A, xã Tân B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Văn Thị Cẩm X và anh Nguyễn Văn H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ngày 29/10/2012, số 89/2012, quyển số 01/2012 là phù hợp với quy định tại Điều 9

Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3.1] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Văn Thị Cẩm X Hội đồng xét xử xét thấy sau khi kết hôn, chị X và anh H chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn về tiền bạc và mâu thuẫn trong nội bộ gia đình bên chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng và không thể hòa giải. Trước đây vào năm 2016 chị X đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp để yêu cầu ly hôn với anh H nhưng do anh H năn nỉ và con vẫn còn nhỏ nên chị X đã xin rút đơn khởi kiện. Sau khi quay về chung sống thì anh H vẫn không thay đổi tính tình ghen tuông vô cớ từ đó làm cho mâu thuẫn phát sinh ngày càng thêm trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị X và anh H đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau điều này chứng tỏa tình trạng hôn nhân không đạt được mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hiện được tình nghiã vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình *" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...."*.

[3.2] Xét lời khai nại của anh Nguyễn Văn H cho rằng anh không đồng ý ly hôn với chị Văn Thị Cẩm X Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống thời gian đầu giữa anh H và chị X hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh lo đi làm ăn và lo cho gia đình. Đôi lúc cũng có lớn tiếng qua lại ngoài ra không có mâu thuẫn gì lớn. hiện nay giữa anh và chị X đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân giữa anh và chị X không thể hàn gắn được làm cho tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng , đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải động viên chị X quay về đoàn tụ với anh H để tiếp tục cuộc sống vợ chồng và nuôi dạy con chung, nhưng chị X cương quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Văn Thị Cẩm X.

[4] Về con chung: Chị Văn Thị Cẩm X và anh Nguyễn Văn H xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tâm X, sinh ngày 16/7/2012 và Nguyễn

Văn P, sinh ngày 13/8/2016 hiện nay hai cháu đang ở với chị X. Anh H và chị X đều yêu cầu nuôi con, anh chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4.1] Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị X và anh H đều là chính đáng và phù hợp với quy định pháp luật. Xét về điều kiện kinh tế hiện nay chị X đang làm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đệ Nhất Việt vị trí công tác trưởng nhóm kinh doanh với mức lương 15.000.000đ/ tháng, còn anh Hở làm cho Công ty tol Hoa Sen chi nhánh Hà Tiên vị trí nhân viên bán hàng lương tháng từ 6.300.000đ – 6.400.000đ/tháng xét về điều kiện kinh tế và thời gian chăm sóc con thì anh H thường xuyên đi vắng nhà, còn chị X thì làm ở Công ty gần nhà về kinh tế và hoàn cảnh gia đình thì chị X có điều kiện chăm sóc con hơn anh H. Hiện nay hai con đang ở với chị X, chị X chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu tâm sinh lý phát triển bình thường theo nguyện vọng của cháu Tâm X cháu có nguyện vọng ở với chị X đối với cháu Nguyễn Văn P tính đến thời điểm này cháu chưa đủ 7 tuổi qua khảo sát ý kiến thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Từ những Điều luật quy định Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị Văn Thị Cẩm X. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Tâm X, sinh ngày 16/7/2012 và cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 13/8/2016 cho chị X trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Văn Thị Cẩm X phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56,81,82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Văn Thị Cẩm X.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị Cẩm X ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

3. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Tâm X , sinh ngày 16/7/2012 và cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 13/8/2016 cho chị X trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh Hở không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

4.Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Văn Thị Cẩm X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004654 ngày 02/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị Xđã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Chị Văn Thị Cẩm X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ